

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **69/2021/HS-ST**

Ngày 17 - 11 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Công Trường

2. Ông Lê Đức Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 78 /2021/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2021/QĐXXST-HS ngày 05/11/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn L**, sinh năm 1988 tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L1; con bà Lê Thị L2; có vợ là Nguyễn Thị C và 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án: Không

Tiền sự: Ngày 08/01/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Nông Cống ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 01/2019/QĐ-CA. Phạm Văn L đã bỏ trốn nên Công an huyện Nông Cống đã ra Quyết định truy tìm số 01/QĐ-TT ngày 13/01/2019.

Nhân thân:

- Tại Bản án hình sự số 35/2015/HSST ngày 17/11/2015, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt. Tuy nhiên, bản án còn buộc bị cáo bồi thường cho ông Phạm

Văn Đ số tiền 400.000 đồng, bị cáo đã bồi thường 200.000đ vào ngày 17/11/2015, số tiền còn lại đến nay đã hết thời hiệu 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự nhưng người được thi hành án không có yêu cầu thi hành án mà không có trở ngại khách quan nào. Do đó, bị cáo được coi là đã chấp hành xong Bản án.

- Tại Bản án hình sự số 51/2017/HSST ngày 28/12/2017, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xử phạt 9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã chấp hành xong Bản án ngày 26/6/2018.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/7/2021, đến ngày 07/8/2021 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa; có mặt

* *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn L:* Bà Nguyễn Thị Nữ Hoàng - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

* *Người làm chứng:*

Anh Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn T2, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt người bào chữa, vắng mặt người làm chứng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào 13 giờ 45 phút ngày 30/7/2021, tại thôn T2, xã K, huyện N, tổ tuần tra công an huyện Nông Cống phát hiện đối tượng Phạm Văn L có dấu hiệu nghi vấn nên đã tiến hành kiểm tra phát hiện và thu giữ trong túi quần bên phải của Phạm Văn L có 01 gói nhỏ ma túy. Tổ tuần tra Công an huyện Nông Cống đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong toàn bộ tang vật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn L khai nhận: Vào chiều ngày 30/7/2021, khi L đang ở nhà thì có anh Nguyễn Hữu T1 đến nhà và hỏi L có mua ma túy chơi không. L bảo không có tiền thì T1 bảo cứ xuống nhà lấy về chơi, khi nào có tiền thì trả cho T1. Sau đó L đến nhà T1 lấy ma túy, trên đường về thì bị tổ tuần tra công an huyện phát hiện bắt quả tang và thu giữ số ma túy vừa lấy từ nhà T1. Đến ngày 05/8/2021, L thay đổi lời khai ngày 30/7/2021, nội dung là L mua ma túy từ một người không quen biết ở gần ngã 5 xã H, huyện N. L trình bày khi bị bắt do tâm lý hoảng sợ nên lời khai không chính xác.

Anh Nguyễn Hữu T1 trình bày: Anh có quen biết Phạm Văn L nhưng vào ngày 30/7/2021, L không xuống nhà anh T1 và anh T1 cũng không gặp L. Do vậy,

ngoài lời khai của Phạm Văn L ra thì không có tài liệu, chứng cứ nào khác phản ánh anh T1 có liên quan đến việc tàng trữ trái phép chất ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nông Cống không có căn cứ để xử lý đối với anh Nguyễn Hữu T1.

Đối với người đàn ông mà L khai đã bán ma túy cho Lâm ở ngã 5 xã H, huyện N do L không biết tên, tuổi, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nông Cống không có cơ sở để xử lý.

Ngày 31/7/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nông Cống đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định đối với số vật thu giữ được.

Theo Kết luận giám định số: 2461/PC09 ngày 03/8/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Chất rắn dạng cục vụn màu trắng ngà của phong bì niêm phong ký hiệu M gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,184g (không phải một tám bốn gam) loại: Heroine.

* Vật chứng vụ án gồm: 01 một phong bì niêm phong dán kín chứa 0,164g (không phải một sáu bốn gam) chất bột dạng vụn cục màu trắng ngà của phong bì niêm phong ký hiệu M; là các mẫu vật còn lại sau khi trích mẫu giám định. Tất cả được đựng trong một phong bì niêm phong do phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Lê Minh Tiến, Lê Công Anh và các hình dấu của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

Toàn bộ vật chứng đã được Công an huyện Nông Cống chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Cống ngày 29 tháng 10 năm 2021.

* Tại Bản cáo trạng số 79/CT-VKSNC ngày 28/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Phạm Văn L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự (Viết tắt là BLHS).

* Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện Nông Cống giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (Viết tắt là HĐXX) áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo mức án từ 18 đến 24 tháng tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; tịch thu, tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định kèm bao gói niêm phong. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận tội và không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với mức án từ 15 đến 18 tháng tù và đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của CQĐT Công an huyện Nông Công và Điều tra viên; của VKSND huyện Nông Công và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (Viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là đúng quy định.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được: Vào khoảng 13 giờ 45 phút ngày 30/7/2021 tại khu vực thôn T2, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Tổ tuần tra Công an huyện Nông Công phát hiện và bắt quả tang Phạm Văn L đang có hành vi tàng trữ trái phép 0,184g (Không phải ba hai không gam) loại: Heroine để sử dụng. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại CQĐT, phù hợp với vật chứng thu được đã được giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở để HĐXX khẳng định bị cáo Phạm Văn L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS. Như vậy, cáo trạng của VKSND huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội như sau: Ma túy có đặc tính gây nghiện, gây ảo giác cho người sử dụng, con người khi mắc nghiện là bị lệ thuộc vào ma túy. Ma túy là đối tượng gây ra tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác. Việc sử dụng ma túy tùy tiện sẽ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người. Vì vậy, Nhà nước quản lý ma túy nghiêm ngặt chủ yếu sử dụng trong lĩnh vực y tế, không cho phép lưu thông tự do. Bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy và việc sử dụng ma túy tùy tiện sẽ gây hậu quả xấu cho bản thân, gia đình và xã hội nhưng vẫn tàng trữ, sử dụng gây tai họa cho xã hội. Vì vậy, cần phải xử nghiêm loại tội phạm này.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu.

Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, tình tiết giảm nhẹ, nhân thân bị cáo xét thấy cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian, với môi trường giáo dục, cải tạo nghiêm khắc theo quy chế trại giam mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người tốt có ích cho bản thân, gia đình và xã hội và răn đe, giáo dục phòng ngừa chung là phù hợp với Điều 38 BLHS. Thời gian tạm giữ, tạm giam của bị cáo được tính khi quyết định hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Mục đích của bị cáo là tàng trữ ma túy để sử dụng, bản thân bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu, tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định và bao gói niêm phong.

[7] Về án phí: Bị cáo có tội, bị kết án và không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí HSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS: Xử phạt: Phạm Văn L 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (30/7/2021).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu, tiêu hủy toàn bộ mẫu vật còn lại sau giám định và toàn bộ bao gói niêm phong (Chi tiết như biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/10/2021 giữa Công an huyện Nông Cống và chi cục THADS huyện Nông Cống).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bị cáo. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; người bào chữa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Công an huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tình

